



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG
THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

BẢNG GIÁ THĂNG LONG

Ngày 01 tháng 01 năm 2026

THĂNG LONG CABLE PRICE LIST
01-01-2026

MỤC LỤC

1. DÂY DÂN DỤNG TLC

CÁP CV 7 SỢI - DÂY ĐÔI - DÂY DẸP	TRANG 3
CÁP MỀM TRÒN	TRANG 4
CÁP DUPLEX ĐỒNG, DÂY ĐƠN, CÁP HÀN	TRANG 5
DÂY ĐIỆN THOẠI, DÂY LOA	TRANG 5

2. DÂY CÁP NHÔM TLC - THALOCO

DÂY ĐƠN NHÔM - AV - DuAV	TRANG 6
CÁP NHÔM VÂN XOÁN LV - ABC	TRANG 7-8
CÁP NHÔM AXV	TRANG 9-10

3. CÁP CÔNG TRÌNH THALOCO - THĂNG LONG

DÂY ĐƠN MỀM, DÂY ĐÔI, DÂY DẸP	TRANG 11
CÁP CV 7 SỢI, CÁP DUPLEX ĐỒNG	TRANG 12
CÁP MỀM TRÒN	TRANG 13
CXV 1 - 4 PHA	TRANG 14-15-16
CÁP ĐỒNG TRẦN, CVV, CÁP ĐIỆN KÉ	TRANG 17-18



ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHO MỌI CÔNG TRÌNH

<https://thanglongcable.vn>



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

GIẤY CHỨNG NHẬN



No.: TQC.5.5882

Chứng nhận sản phẩm: **DÂY VÀ CÁP ĐIỆN**

(theo danh sách tại Phụ lục kèm theo Quyết định 5882/2024/QĐ-TQC ngày .../03/2024)

Nhãn hiệu:



Được sản xuất tại: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG**

Địa chỉ: 418/4F Trần Phú, Phường 7, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất: Ấp Phước Kế, Xã Phước Lâm, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN

ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017

Giấy chứng nhận có giá trị : Từ 21/03/2024 đến 20/03/2027

Từ ngày 21/03/2025, Giấy chứng nhận này có hiệu lực nếu có Thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì hiệu lực của TQC CGLOBAL đi kèm theo (trong 03 năm thực hiện giám sát duy trì hiệu lực 02 lần).

Chi tiết tại Quyết định số : 5882/2024/QĐ-TQC Ngày ký: 21/03/2024

Quét mã truy xuất



TQC.5.5882

Dấu chứng nhận



Dấu công nhận



VICAS 063-PRO



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM - TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm> - Văn phòng cấp chứng chỉ: Tòa nhà số 51, ngõ 140/1 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hotline Hà Nội: 0969416668 - Đà Nẵng: 0968799816 - Hồ Chí Minh: 0988397156; Email: certify@tqc.vn; Website: <http://tqc.vn>



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



TLC CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
--------------	-----	----------------

► *Cáp CV 7 sợi - 0,6KV/1KV*

CAP-1.5		Rulô/100m	601.000
CAP-2.0		Rulô/100m	874.000
CAP-2.5		Rulô/100m	1.130.000
CAP-3.0		Rulô/100m	1.356.000
CAP-4.0		Rulô/100m	1.819.000
CAP-6.0		Rulô/100m	2.398.000

► *Dây đôi (VCmd) - 300V-500V*

2 X 16		Cuộn/100m	493.000
2 X 24		Cuộn/100m	682.000
2 X 32		Cuộn/100m	944.000
2 X 30		Cuộn/100m	1.411.000
2 x 30 T/T		Cuộn/100m	1.206.000
2 X 50 TLC		Cuộn/100m	2.302.000

► *Dây dẹp (Vcmo) (OVAL) - 300V-500V*

2 X 1.0		Cuộn/100m	962.000
2 X 1.5		Cuộn/100m	1.110.000
2 X 2.5		Cuộn/100m	1.703.000
2 X 4.0		Cuộn/100m	2.498.000
2 X 6.0		Cuộn/100m	3.905.000

TCVN 6610 & JAPAN JIS



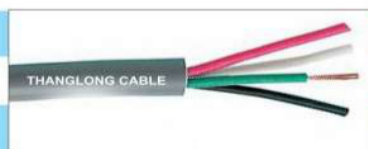
TLC CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



TCVN 6610 & JAPAN JIS

TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
▶ <i>Cáp mềm tròn (VCmt) loại 2 ruột - 300V/500</i>		
2 X 1.0 (xám-đen)	Mét	9.870
2 X 1.5	Mét	13.430
2 X 2.5	Mét	20.170
2 X 4.0	Mét	27.950
2 X 6.0	Mét	43.360
2 X 8.0 (đen)	Mét	59.730
2 X 10	Mét	80.690
2 X 16	Mét	114.940
2 X 25	Mét	191.660
▶ <i>Loại 3 ruột (VCmt)</i>		
3X 1.0 (xám-đen)	Mét	13.770
3 X 1.5	Mét	18.960
3 X 2.5	Mét	27.830
3 X 4.0	Mét	38.630
3 X 6.0	Mét	59.350
3 X 8.0 (đen)	Mét	85.350
3 X 10	Mét	107.820
3 X 16	Mét	167.000
3 X 25	Mét	247.830
▶ <i>Loại 4 ruột (VCmt) - 4 pha bằng nhau</i>		
4 X 1.5	Mét	23.290
4 X 2.5	Mét	36.850
4 X 4.0	Mét	49.090
4 X 6.0	Mét	75.880
4 X 8.0	Mét	106.720
4 X 10	Mét	130.150
4 X 16	Mét	190.840
4 X 25	Mét	300.030
4 X 35	Mét	426.070





CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



TLC CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
--------------	-----	----------------

► *Cáp DUPLEX Đồng Màu Sắc: Xám - Đen - 0,6KV/1KV*

DuCV- 2X8 TT	Mét	45.090
DuCV- 2X11 TT	Mét	61.470
DuCV- 2X6 TLC	Mét	48.640
DuCV- 2X8 TLC	Mét	61.270
DuCV- 2X11 TLC	Mét	83.320
DuCV- 2X16 TLC	Mét	123.600



► *Dây đơn (VC) - 0,6KV/1KV*

VC 12/10 (VC 1.0)	Cuộn/100m	419.000
VC 16/10 (VC 2.0)	Cuộn/100m	767.000
VC 20/10 (VC 3.0)	Cuộn/100m	1.199.000
VC 30/10 (VC 7.0)	Cuộn/100m	2.760.000



► *Cáp Hàn (Korea standard) Cách điện: nhựa cao su*

M16	Mét	85.180
M25	Mét	124.260
M35	Mét	171.670
M50	Mét	241.630
M70	Mét	339.320



► *Dây điện thoại - Dây camera - Báo cháy*

2 ruột DB (100% đồng)	Cuộn/100m	219.000
4 ruột DB (100% đồng)	Cuộn/100m	584.000
Dropwire	Cuộn/500m	1.719.000

► *Dây loa (đỏ - đen)*

Loa đỏ - đen	Cuộn/100m	260.000
--------------	-----------	---------

TCVN 6610 & JAPAN JIS



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



TLC CABLE



TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)	GIÁ BÁN (đồng)
► Dây đơn nhôm (VA)		màu xanh - đỏ	Màu đen
VA 30/10 TT_A	Cuộn/100m	336.000	271.000
VA 30/10_A	Cuộn/100m	410.000	343.000
VA 40/10_A	Cuộn/100m	480.000	414.000

► Cáp nhôm bọc PVC Màu sắc: xám - 0,6KV/1KV

			Tiêu Chuẩn	Loại TLC
AV_12	Mét		Đúng Tiết Diện	5.970
AV_16	Mét		7.130	6.650
AV_25	Mét		12.330	10.340
AV_35	Mét		16.850	13.510
AV_50	Mét	(19 S)	23.980	19.470
AV_70	Mét		33.160	27.200
AV_95	Mét		44.530	34.940
AV_120	Mét		55.490	45.900
AV_150	Mét		68.640	56.860
AV_185	Mét	(37 S)	87.680	
AV_240	Mét		107.550	
AV_300	Mét	(61 S)	137.000	
AV_400	Mét		176.590	
AV_500	Mét		222.520	



► Duplex nhôm - 0,6KV/1KV

			Loại 1 (xám - đen)	Loại 2
Du AV - 2 x 12	Mét		11.950	10.140
Du AV - 2 x 14	Mét		12.470	
Du AV - 2 x 16	Mét		13.290	11.780
Du AV - 2 x 25	Mét		20.550	14.930
Du AV - 2 x 35	Mét		27.020	21.240
Du AV - 2 x 50	Mét		40.100	
Du AV - 2 x 70	Mét		56.020	



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THALOCO CABLE

RUỘT DẪN: 100% ĐÚNG TIẾT DIỆN



TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
--------------	-----	----------------

► Cáp nhôm xoắn LV-ABC (XLPE - TCVN) 0,6/1KV

LV-ABC 2x10	Mét	12.060
LV-ABC 2x16	Mét	17.270
LV-ABC 2x25	Mét	25.280
LV-ABC 2x35	Mét	33.230
LV-ABC 2x50	Mét	45.080
LV-ABC 2x70 (19 S)	Mét	62.680
LV-ABC 2x95	Mét	83.570
LV-ABC 2x120	Mét	109.600
LV-ABC 2x150	Mét	130.150
LV-ABC 2x185 (37 S) LV: cán ép chặt	Mét	171.250
LV-ABC 2x240	Mét	219.200
LV-ABC 2x300 (61 S)	Mét	293.180



► 3 Pha

LV-ABC 3x16	Mét	25.910
LV-ABC 3x25	Mét	37.950
LV-ABC 3x35	Mét	49.850
LV-ABC 3x50	Mét	67.610
LV-ABC 3x70 (19 S)	Mét	94.020
LV-ABC 3x95	Mét	125.360
LV-ABC 3x120	Mét	164.400
LV-ABC 3x150	Mét	195.230
LV-ABC 3x185 (37 S)	Mét	256.880
LV-ABC 3x240	Mét	328.800
LV-ABC 3x300 (61 S)	Mét	440.800





CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THALOCO CABLE

RUỘT DẪN: 100% ĐÚNG TIẾT DIỆN



TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
--------------	-----	----------------

► ABC

4 Pha

LV-ABC 4x16	Mét	34.530
LV-ABC 4x25	Mét	50.560
LV-ABC 4x35	Mét	66.450
LV-ABC 4x50	Mét	90.150
LV-ABC 4x70 (19 S)	Mét	125.360
LV-ABC 4x95	Mét	167.140
LV-ABC 4x120	Mét	219.200
LV-ABC 4x150	Mét	260.300
LV-ABC 4x185 (37 S)	Mét	342.500
LV-ABC 4x240	Mét	438.400
LV-ABC 4x300 (61 S)	Mét	587.730



► 3 Pha + 1 tiếp địa

LV-ABC 3 x 16 + 1 x 10	Mét	31.920
LV-ABC 3 x 25 + 1 x 16	Mét	46.580
LV-ABC 3 x 35 + 1 x 16	Mét	58.610
LV-ABC 3 x 50 + 1 x 25	Mét	80.260
LV-ABC 3 x 70 + 1 x 35	Mét	110.640
LV-ABC 3 x 95 + 1 x 50	Mét	147.890
LV-ABC 3 x 120 + 1 x 70	Mét	195.750
LV-ABC 3 x 150 + 1 x 70	Mét	226.580
LV-ABC 3 x 185 + 1 x 95	Mét	298.660
LV-ABC 3 x 240 + 1 x 120	Mét	383.600
LV-ABC 3 x 300 + 1 x 150	Mét	505.880





CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THALOCO CABLE

RUỘT DẪN: 100% ĐÚNG TIẾT DIỆN



TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
--------------	-----	----------------

► CÁP ĐIỆN LỰC HẠ THẾ AXV: 0.6/1kV

(1 lõi - 4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE, vỏ bọc PVC)

AXV 16	Mét	15.200
AXV 25	Mét	20.900
AXV 35	Mét	26.250
AXV 50	Mét	35.600
AXV 70	Mét	47.610
AXV 95	Mét	61.370
AXV 120	Mét	77.860
AXV 150	Mét	91.620
AXV 185	Mét	114.180
AXV 240	Mét	142.420
AXV 300	Mét	176.860
AXV 400	Mét	222.420
AXV 500	Mét	279.150

AXV 2x16	Mét	50.940
AXV 2x25	Mét	65.270
AXV 2x35	Mét	78.450
AXV 2x50	Mét	97.260
AXV 2x70	Mét	123.740
AXV 2x95	Mét	156.000
AXV 2x120	Mét	209.540
AXV 2x150	Mét	238.070
AXV 2x185	Mét	285.960
AXV 2x240	Mét	354.850
AXV 2x300	Mét	442.840





CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THALOCO CABLE

RUỘT DẪN: 100% ĐÚNG TIẾT DIỆN



TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
--------------	-----	----------------

► CÁP ĐIỆN LỰC HẠ THẾ AXV: 0.6/1kV

(1 lõi - 4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE, vỏ bọc PVC)

AXV 3x16	Mét	61.520
AXV 3x25	Mét	80.900
AXV 3x35	Mét	95.960
AXV 3x50	Mét	125.320
AXV 3x70	Mét	162.950
AXV 3x95	Mét	212.450
AXV 3x120	Mét	276.700
AXV 3x150	Mét	321.130
AXV 3x185	Mét	390.150
AXV 3x240	Mét	490.160
AXV 3x300	Mét	598.980

AXV 4x16	Mét	74.670
AXV 4x25	Mét	98.410
AXV 4x35	Mét	119.110
AXV 4x50	Mét	157.590
AXV 4x70	Mét	209.260
AXV 4x95	Mét	272.660
AXV 4x120	Mét	346.310
AXV 4x150	Mét	419.690
AXV 4x185	Mét	507.100
AXV 4x240	Mét	639.660
AXV 4x300	Mét	790.010





CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THĂNG LONG CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
--------------	-----	----------------

► DÂY ĐƠN MỀM (VCm) - 0.6KV/1KV

VCm_0.35	Mét	2.490
VCm_0.5	Mét	4.170
VCm_0.75	Mét	5.420
VCm_1	Mét	7.790
VCm_1.5 (450/750V)	Mét	12.110
VCm_2.5	Mét	18.730
VCm_4	Mét	28.350
VCm_6	Mét	39.340
VCm_8	Mét	51.870
VCm_10 (0,6/1KV)	Mét	75.340
VCm_16	Mét	117.820
VCm_25	Mét	165.370
VCm_35	Mét	238.960
VCm_50	Mét	351.530
VCm_70	Mét	460.790
VCm_95	Mét	584.500
VCm_120	Mét	



► DÂY ĐÔI (VCmd) - 300/500V

VCmd 2 x 16	Cuộn /100 m	574.000
VCmd 2 x 24	Cuộn /100 m	810.000
VCmd 2 x 32	Cuộn /100 m	1.041.000
VCmd 2 x 30	Cuộn /100 m	1.546.000
VCmd 2 x 40	Cuộn /100 m	2.092.000
VCmd 2 x 50	Cuộn /100 m	2.502.000



► DÂY DẸP (VCmo) (OVAL) 300V/500V

Vcmo 2 x 0.75	Cuộn /100 m	1.029.000
Vcmo 2 x 1.0	Cuộn /100 m	1.223.000
Vcmo 2 x 1.5	Cuộn /100 m	1.779.000
Vcmo 2 x 2.5	Cuộn /100 m	2.699.000
Vcmo 2 x 4.0	Cuộn /100 m	4.073.000
Vcmo 2 x 6.0	Cuộn /100 m	5.699.000



TCVN 6610 & JAPAN JIS



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THĂNG LONG CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
--------------	-----	----------------

► CÁP CV 7 SỢI - 0,6KV/1KV

CV-1.0	Cuộn /100 m	559.000
CV-1.5	Cuộn /100 m	769.000
CV-2.0	Cuộn /100 m	1.009.000
CV-2.5	Cuộn /100 m	1.255.000
CV-4.0	Cuộn /100 m	2.016.000
CV-6.0	Cuộn /100 m	2.793.000
CV-8.0	Mét	37.390
CV-10	Mét	46.150
CV-16	Mét	70.200
CV-25	Mét	112.770
CV-35	Mét	156.050
CV-50	Mét	213.480
CV-70	Mét	304.550
CV-95	Mét	421.170
CV-120	Mét	548.540
CV-150	Mét	655.650
CV-185	Mét	818.650
CV-200	Mét	906.180
CV-240	Mét	1.072.620
CV-300	Mét	1.345.480
CV-325	Mét	1.487.490
CV-400	Mét	1.732.120
CV-500	Mét	2.247.680



► CÁP DUPLEX (DuCV) - 0,6KV/1KV

DuCV - 2 X 6	Mét	58.670
DuCV - 2 X 8	Mét	78.710
DuCV - 2 X 10	Mét	100.090
DuCV - 2 X 16	Mét	152.920
DuCV - 2 X 25	Mét	237.550



TCVN 6610 & JAPAN JIS



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THĂNG LONG CABLE

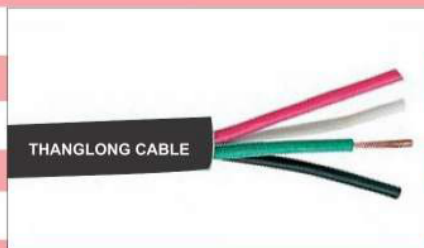
100% Đồng Nguyên Chất



TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
--------------	-----	----------------

► CÁP MIỀM TRÒN (VCmt) màu sắc: ĐEN LOẠI 2 RUỘT - 300/500V

VCmt 2 x 0.75	Mét	10.920
VCmt 2 x 1.5	Mét	18.950
VCmt 2 x 2.5	Mét	30.200
VCmt 2 x 4.0	Mét	45.080
VCmt 2 x 6.0	Mét	66.760
VCmt 2 x 8.0	Mét	103.000
VCmt 2 x 10	Mét	118.700



► LOẠI 3 RUỘT (VCmt) - 300/500V

Vcmt 3 x 0.75	Mét	14.740
VCmt 3 x 1.5	Mét	26.650
VCmt 3 x 2.5	Mét	42.090
VCmt 3 x 4.0	Mét	63.090
VCmt 3 x 6.0	Mét	95.670
VCmt 3 x 8.0	Mét	145.540
Vcmt 3 x 10	Mét	173.700
VCmt 3 x 16	Mét	275.370
VCmt 3 x 25	Mét	413.060
VCmt 3 x 35	Mét	569.370

► LOẠI 4 RUỘT (VCmt) - 300/500V 4 pha bằng nhau

Vcmt 4 x 0.75	Mét	18.910
VCmt 4 x 1.5	Mét	34.580
VCmt 4 x 2.5	Mét	54.430
VCmt 4 x 4.0	Mét	82.480
VCmt 4 x 6.0	Mét	124.440
VCmt 4 x 8.0	Mét	191.160
VCmt 4 x 10	Mét	225.840
VCmt 4 x 16	Mét	359.350
VCmt 4 x 25	Mét	542.660
VCmt 4 x 35	Mét	747.340

TCVN 6610 & JAPAN JIS



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THĂNG LONG CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
-----	--------------	-----	----------------

► CÁP ĐIỆN LỰC 1 LỖI, RUỘT ĐỒNG,
CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ BẢO VỆ PVC - 0,6KV/1KV

1	CXV 1.5	Mét	10.980
2	CXV 2.5	Mét	16.420
3	CXV 4.0	Mét	23.360
4	CXV 6.0	Mét	32.910
5	CXV 8.0	Mét	43.450
6	CXV 10	Mét	52.150
7	CXV 16	Mét	78.220
8	CXV 25	Mét	121.220
9	CXV 35	Mét	166.100
10	CXV 50	Mét	225.490
11	CXV 70	Mét	319.620
12	CXV 95	Mét	439.310
13	CXV 120	Mét	572.940
14	CXV 150	Mét	683.610
15	CXV 185	Mét	851.280
16	CXV 200	Mét	943.000
17	CXV 240	Mét	1.113.530
18	CXV 300	Mét	1.395.140
19	CXV 325	Mét	1.540.100
20	CXV 400	Mét	1.787.360
21	CXV 500	Mét	2.285.820



TCVN 6610 & JAPAN JIS



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THĂNG LONG CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



STT **TÊN SẢN PHẨM** **ĐVT** **GIÁ BÁN (đồng)**

► **CÁP ĐIỆN LỰC 2 LỖI, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ BẢO VỆ PVC - 0,6KV/1KV**

1	CXV 2 x 1.5	Mét	29.500
2	CXV 2 x 2.5	Mét	40.580
3	CXV 2 x 4.0	Mét	57.700
4	CXV 2 x 6.0	Mét	78.500
5	CXV 2 x 8.0	Mét	99.860
6	CXV 2 x 10	Mét	120.390
7	CXV 2 x 16	Mét	179.930
8	CXV 2 x 25	Mét	269.660
9	CXV 2 x 35	Mét	361.970
10	CXV 2 x 50	Mét	482.050
11	CXV 2 x 70	Mét	673.800
12	CXV 2 x 95	Mét	919.230



► **CÁP ĐIỆN LỰC 3 LỖI, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ BẢO VỆ PVC - 0,6KV/1KV**

1	CXV 3 x 1.5	Mét	37.750
2	CXV 3 x 2.5	Mét	53.420
3	CXV 3 x 4.0	Mét	77.200
4	CXV 3 x 6.0	Mét	107.550
5	CXV 3 x 8.0	Mét	138.330
6	CXV 3 x 10	Mét	167.800
7	CXV 3 x 16	Mét	253.410
8	CXV 3 x 25	Mét	385.330
9	CXV 3 x 35	Mét	520.800
10	CXV 3 x 50	Mét	699.140
11	CXV 3 x 70	Mét	985.330
12	CXV 3 x 95	Mét	1.354.700
13	CXV 3 X 120	Mét	1.758.430
14	CXV 3 X 150	Mét	2.106.950
15	CXV 3 X 185	Mét	2.627.770
16	CXV 3 X 240	Mét	3.433.990
17	CXV 3 X 300	Mét	4.296.760

TCVN 6610 & JAPAN JIS



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THĂNG LONG CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
-----	--------------	-----	----------------

► **CÁP ĐIỆN LỰC 4 LỖI, RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ BẢO VỆ PVC - 0,6KV/1KV**

1	CXV 4 x 1.5	Mét	47.300
2	CXV 4 x 2.5	Mét	67.380
3	CXV 4 x 4.0	Mét	99.010
4	CXV 4 x 6.0	Mét	139.170
5	CXV 4 x 8.0	Mét	179.490
6	CXV 4 x 10	Mét	218.670
7	CXV 4 x 16	Mét	329.340
8	CXV 4 x 25	Mét	515.250
9	CXV 4 x 35	Mét	697.730
10	CXV 4 x 50	Mét	921.800
11	CXV 4 x 70	Mét	1.338.320
12	CXV 4 x 95	Mét	1.794.000
13	CXV 4 X 120	Mét	2.345.010
14	CXV 4 X 150	Mét	2.804.010
15	CXV 4 X 185	Mét	3.494.490
16	CXV 4 X 240	Mét	4.572.950
17	CXV 4 X 300	Mét	5.723.750



► **CÁP ĐIỆN LỰC 4 LỖI (3+1), RUỘT ĐỒNG, CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ BẢO VỆ PVC - 0,6KV/1KV**

1	CXV 3 x 2.5 + 1 x 1.5	Mét	61.580
2	CXV 3 x 4.0 + 1 x 2.5	Mét	91.890
3	CXV 3 x 6.0 + 1 x 2.5	Mét	122.620
4	CXV 3 x 6.0 + 1 x 4.0	Mét	129.780
5	CXV 3 x 8.0 + 1 x 4.0	Mét	161.940
6	CXV 3 x 10 + 1 x 6.0	Mét	199.150
7	CXV 3 x 16 + 1 x 10	Mét	308.560
8	CXV 3 x 25 + 1 x 16	Mét	459.410
9	CXV 3 x 35 + 1 x 16	Mét	593.450
10	CXV 3 x 35 + 1 x 25	Mét	637.600

TCVN 6610 & JAPAN JIS



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THĂNG LONG CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
-----	--------------	-----	----------------

► CÁP ĐIỆN LỤC 4 LỖI (3+1), RUỘT ĐỒNG,
CÁCH ĐIỆN XLPE, VỎ BẢO VỆ PVC - 0,6KV/1KV

11	CXV 3 x 50 + 1 x 25	Mét	819.930
12	CXV 3 x 50 + 1 x 35	Mét	864.090
13	CXV 3 x 70 + 1 x 35	Mét	1.150.850
14	CXV 3 x 70 + 1 x 50	Mét	1.208.960
15	CXV 3 x 95 + 1 x 50	Mét	1.579.330
16	CXV 3 x 95 + 1 x 70	Mét	1.674.620
17	CXV 3 X 120 + 1 X 70	Mét	2.097.630
18	CXV 3 X 120 + 1 X 95	Mét	2.229.790
19	CXV 3 X 150 + 1 X 70	Mét	2.507.950
20	CXV 3 X 150 + 1 X 95	Mét	2.632.380
21	CXV 3 X 185 + 1 X 95	Mét	3.080.070
22	CXV 3 X 185 + 1 X 120	Mét	3.288.530
23	CXV 3 X 240 + 1 X 120	Mét	4.131.570
24	CXV 3 X 240 + 1 X 150	Mét	4.264.540
25	CXV 3 X 240 + 1 X 185	Mét	4.443.930
26	CXV 3 X 300 + 1 X 150	Mét	5.157.160
27	CXV 3 X 300 + 1 X 185	Mét	5.176.490

TCVN 6610 & JAPAN JIS



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THĂNG LONG CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
-----	--------------	-----	----------------

► CÁP ĐIỆN LỤC CÁCH ĐIỆN PVC/PVC - 0,6KV/1KV 2 ruột

1	CVV 2 x 1.5		Mét	25.380
2	CVV 2 x 2.5		Mét	37.190
3	CVV 2 x 4.0		Mét	53.850
4	CVV 2 x 6.0		Mét	74.350
5	CVV 2 x 8.0		Mét	100.420

3 ruột

1	CVV 3 x 1.5	Mét	33.470
2	CVV 3 x 2.5	Mét	49.580
3	CVV 3 x 4.0	Mét	72.650
4	CVV 3 x 6.0	Mét	103.420
5	CVV 3 x 8.0	Mét	138.740

4 ruột

1	CVV 4 x 1.5		Mét	42.820
2	CVV 4 x 2.5		Mét	63.420
3	CVV 4 x 4.0		Mét	95.340
4	CVV 4 x 6.0		Mét	136.580
5	CVV 4 x 8.0		Mét	179.060



CÔNG TY DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

THAY ĐỔI CÁCH NHÌN - CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN



THĂNG LONG CABLE

100% Đồng Nguyên Chất



STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN (đồng)
-----	--------------	-----	----------------

► CÁP ĐỒNG TRẦN NTT - Ủ MIỀM (Chống sét - tiếp địa)

1	C10	Mét	45.870
2	C16	Mét	70.200
3	C25	Mét	109.760
4	C35	Mét	154.020
5	C50	Mét	222.390
6	C70	Mét	307.650
7	C 95	Mét	426.800
8	C 120	Mét	548.070
9	C 150	Mét	671.320
10	C 185	Mét	835.690
11	C 240	Mét	1.084.940
12	C 300	Mét	1.312.750



► CÁP ĐIỆN KẾ RUỘT ĐỒNG, GIÁP NHÔM (MULLER) 0,6/1KV

1	DK-CVV 2X6	Mét	77.560
2	DK-CVV 2X8	Mét	92.850
3	DK-CVV 2X10	Mét	119.260
4	DK-CVV 2X16	Mét	190.550
5	DK-CVV 3X16+1X10	Mét	318.380
6	DK-CVV 3X25+1X16	Mét	499.420

TCVN 6610 & JAPAN JIS



Since 2000

THĂNG LONG CABLE



BẢNG GIÁ DÂY & CÁP ĐIỆN THĂNG LONG

Áp dụng từ 01-01-2026

Văn phòng: 418/4F-G-R Trần Phú, Phường An Đông, TP.HCM

Phân xưởng 1: 190 Đường Bình Trị Đông, Phường Bình Trị Đông, TP.HCM

Phân xưởng 2: 237 Đường Bình Trị Đông, Phường Bình Trị Đông, TP.HCM

Phân xưởng 3: 234 DH 20, Ấp Phước Kế, Xã Mỹ Lộc, Tỉnh Tây Ninh

Nhà phân phối: **CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN KIM QUANG**

41 đường số 1, P. An Lạc (Q. Bình Tân), TP. HCM

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHO MỌI CÔNG TRÌNH

<https://thanglongcable.vn>